TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21**/2018/DS-ST
Ngày: 27/9/2018
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vương Thúy Thìn**

Bà **Nguyễn Thị Thân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Vân** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng S**

Trụ sở: … số .. N, Phường …, Quận …, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hữu P** - Giám đốc Trung tâm thẻ. Theo Giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PL ngày 28/12/2017. Uỷ quyền lại cho ông **Trương Quang N** - Nhân viên Ngân hàng S - Chi nhánh Đ. Địa chỉ: Số ….., đường V, phường T, quận G, thành phố Hà Nội. Theo Giấy ủy quyền số 652/2018/UQ-TTT ngày 04/4/2018. - *Có mặt.*

Bị đơn: Chị **Đào Mỹ Q**, sinh năm ….. - *Có mặt.*

Nơi cư trú: Số …., phố Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 23/11/2017, Bản tự khai ngày 07/6/2018, ngày 01/8/2018, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, nguyên đơn là **Ngân hàng S** trình bày:

Ngày 17/10/2014, tại Ngân hàng S - Chi nhánh Đ, chị Đào Mỹ Q ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với hạn mức tín dụng mong muốn là 150.000.000 đồng. Căn cứ vào thu nhập của chị Q, ngày 22/10/2014 Ngân hàng đã phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho chị Q hạn mức là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Theo bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, số tiền nợ gốc = số tiền giao dịch + phí chậm thanh toán + tiền lãi + phí vượt quá hạn mức - số tiền khách hàng trả nợ.

Số tiền giao dịch: Số tiền khách hàng mua hàng hóa và rút tiền mặt.

Phí chậm thanh toán: Số tiền khách hàng phải trả do chậm thanh toán số tiền tối thiểu phải trả hàng tháng, được tính theo công thức: (Số tiền vượt quá hạn mức + 5% của tổng hạn mức được cấp) x 6%.

Tiền lãi: Số dư đầu kỳ x 2,15%/tháng.

Phí vượt quá hạn mức: Được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp x tỷ lệ % x số ngày vượt (tối thiểu là 50.000 đồng).

Diễn biến quá trình sử dụng thẻ tín dụng của chị Đào Mỹ Q như sau:

* Ngày 28/10/2014: Chị Q rút 98.600.000 đồng.

Từ ngày 28/10/2014 đến ngày 15/12/2014: Chị Q phải chịu số tiền lãi trong hạn là: 3.447.631 đồng bao gồm:

- Từ ngày 28/10/2014 đến ngày 26/11/2014: Lãi trong hạn là: 2.119.900 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 98.600.000 đồng/30 ngày;

- Ngày 27/11/2014: Lãi trong hạn là: 69.230 đồng trên dư nợ là 96.600.000 đồng/1 ngày (Chị Q được trừ tiền khuyến mại 2.000.000 đồng vào dư nợ đầu kỳ);

- Từ ngày 28/11/2014 đến ngày 30/11/2014: Lãi trong hạn là: 197.090 đồng trên dư nợ là 91.670.000 đồng/3 ngày (Do chị Q trả dư nợ đầu kỳ 4.930.000 đồng);

- Từ ngày 01/12/2014 đến ngày 07/12/2014: Lãi trong hạn là: 489.976 đồng trên dư nợ là 97.670.000 đồng/7 ngày (Do chị Q sử dụng 6.000.000 đồng);

- Từ ngày 08/12/2014 đến ngày 15/12/2014: Lãi trong hạn là: 571.435 đồng trên dư nợ là 99.669.000 đồng/8 ngày (Do chị Q sử dụng 1.999.000 đồng);

* Dư nợ tính đến ngày 15/12/2014 là: 103.116.631 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 99.669.000; lãi trong hạn là: 3.447.631 đồng).

- Từ ngày 16/12/2014 đến ngày 28/12/2014: Lãi trong hạn là: 960.703 đồng trên dư nợ là 103.116.631 đồng/13 ngày;

- Từ ngày 29/12/2014 đến ngày 30/12/2014: Lãi trong hạn là: 136.162 đồng trên dư nợ là 94.996.631 đồng/2 ngày (Do chị Q trả dư nợ đầu kỳ số tiền là: 8.120.000 đồng);

- Từ ngày 31/12/2014 đến ngày 15/01/2015: Lãi trong hạn là: 1.146.621 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 99.996.631 đồng/16 ngày (Do chị Q sử dụng 5.000.000 đồng).

* Dư nợ lãi tính đến ngày 15/01/2015 là: 102.240.117 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 99.996.000; lãi trong hạn là: 2.243.486 đồng).

- Từ ngày 16/01/2015 đến ngày 28/01/2015: Lãi trong hạn là: 953.003 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 102.290.117 đồng/13 ngày;

- Từ ngày 29/01/2015 đến ngày 04/12/2015: Lãi trong hạn là: 476.534 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 94.990.117 đồng/7 ngày (Do chị Q trả dư nợ đầu kỳ số tiền là: 7.300.000 đồng);

- Từ ngày 05/12/2015 đến ngày 15/02/2015: Lãi trong hạn là: 788.248 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 99.990.117 đồng/11 ngày (Do chị Q sử dụng 5.000.000 đồng).

* Dư nợ tính đến ngày 15/02/2015 là: 102.207.902 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 99.990.117; lãi trong hạn là: 2.217.785 đồng).

- Từ ngày 16/02/2015 đến ngày 08/3/2015: Lãi trong hạn là: 1.538.981 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 102.257.902 đồng/21 ngày;

- Từ ngày 09/3/2015 đến ngày 15/3/2015: Lãi trong hạn là: 515.182 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 102.693.376 đồng/7 ngày (Do chị Q phải chịu: 435.474 đồng phí chậm thanh toán).

* Dư nợ tính đến ngày 15/3/2015 là: 104.747.540 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 102.693.376; lãi trong hạn là: 2.054.164 đồng).

- Từ ngày 16/3/2016 đến ngày 23/3/2015: Lãi trong hạn là: 600.839 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 104.797.540 đồng/8 ngày (Chị Q phải chịu 50.000 đồng phí vượt hạn mức);

- Trong ngày 24/3/2015: Lãi trong hạn là: 69.873 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 97.497.540 đồng/1 ngày (Do chị Q trả dư nợ đầu kỳ: 7.300.000 đồng);

- Từ ngày 25/3/2015 đến ngày 10/4/2015: Lãi trong hạn là: 1.218.303 đồng

trên dư nợ đầu kỳ là 99.997.540 đồng/17 ngày (Do chị Q sử dụng thẻ 2.500.000 đồng);

- Từ ngày 11/4/2015 đến ngày 15/4/2015: Lãi trong hạn là: 359.945 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 100.447.392 đồng/5 ngày (Chị Q phải chịu 449.852 đồng phí chậm thanh toán).

* Dư nợ tính đến ngày 15/4/2015 là: 104.746.353 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 100.447.392; lãi trong hạn là: 2.248.961 đồng, phí vượt hạn mức: 50.000 đồng).

- Từ ngày 15/5/2015 đến ngày 11/5/2015: Lãi trong hạn là: 1.914.508 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 102.746.353 đồng/26 ngày;

- Từ ngày 12/5/2015 đến ngày 15/5/2015: Lãi trong hạn là: 297.161 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 103.660.987 đồng/4 ngày (Do chị Q phải chịu phí chậm thanh toán là: 974.634 đồng).

* Dư nợ tính đến ngày 15/5/2015 là: 105.872.656 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 103.660.987; lãi trong hạn là: 2.211.670 đồng).

- Từ ngày 16/5/2015 đến ngày 10/6/2015: Lãi trong hạn là: 1.973.975 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 105.937.201 đồng/26 ngày (Do chị Q phải chịu 64.544 đồng phí vượt hạn mức);

- Từ ngày 11/6/2015 đến ngày 15/6/2015: Lãi trong hạn là: 384.647 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 107.343.285 đồng/5 ngày (Do chị Q phải chịu phí chậm thanh toán là: 1.406.084 đồng).

* Dư nợ tính đến ngày 15/6/2015 là: 109.701.907 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 107.343.285; lãi trong hạn là: 2.358.622 đồng).

- Từ ngày 16/6/2015 đến ngày 11/7/2015: Lãi trong hạn là: 2.046.783 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 109.845.220 đồng/26 ngày (Do chị Q phải chịu 143.313 đồng phí vượt hạn mức);

- Từ ngày 12/7/2015 đến ngày 15/7/2015: Lãi trong hạn là: 320.472 đồng trên dư nợ đầu kỳ là 111.785.786 đồng/4 ngày (Do chị Q phải chịu phí chậm thanh toán là: 1.940.566 đồng).

* Dư nợ tính đến ngày 15/7/2015 là: 114.380.380 đồng (Bao gồm dư nợ đầu kỳ là: 111.785.786; lãi trong hạn là: 2.367.254 đồng, phí vượt hạn mức: 227.340 đồng).

Từ ngày 16/7/2015, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị Q và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/7/2018, chị Q còn nợ: 251.110.788 đồng trong đó: nợ gốc: 114.380.380 đồng; lãi quá hạn từ ngày 16/7/2015 đến ngày 31/7/2018: 136.730.408 đồng. (Dư nợ gốc x lãi suất (2,15% x 150%)/30 ngày x Số ngày thực tế).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2018 là: 251.110.788 đồng, gồm dư nợ gốc: 114.380.380 đồng, lãi quá hạn: 136.730.408 đồng và chị Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 01/8/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại Bản tự khai ngày 16/7/2018, ngày 10/8/2018, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải, bị đơn là chị **Đào Mỹ Q** trình bày:

Chị chỉ ký tên và ghi rõ họ tên dưới mục "Chữ ký và họ tên của chủ thẻ chính" tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2014. Từ ngày 28/10/2014 đến 25/3/2015, chị đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 119.099.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện nay, chị đã trả cho Ngân hàng số tiền 29.650.000 đồng. Trong đó phí chậm thanh toán là: 885.326 đồng; tiền lãi trong hạn: 12.212.027 đồng; phí vượt hạn mức là: 200.000 đồng. Số tiền nợ gốc đến thời điểm ngừng giao dịch là: 102.746.353 đồng. Chị không chấp nhận cách tính nợ gốc của ngân hàng với lý do: Ngân hàng đã cộng phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức, tiền lãi trong hạn các tháng 5, 6, 7/2015 khi chị đã ngừng giao dịch mua hàng/rút tiền với số tiền 102.746.353 đồng để thành số tiền nợ gốc 114.380.380 đồng như yêu cầu của Ngân hàng. Với cách tính của Ngân hàng, thì tiền lãi + phí của tháng trước chưa thanh toán sẽ được cộng vào số tiền gốc (98.600.000 đồng) để tính ra tiền lãi của tháng sau, như vậy lãi chồng lãi từ tháng 11/2014 đến tháng 7/2015 là 8 tháng. Chị đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định Ngân hàng nộp đơn khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện. Chị chỉ đồng ý trả nợ gốc là 102.746.353 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S và chị Đào Mỹ Q không thống nhất được với nhau về việc đối với các giao dịch mua hàng hóa mà chị Q đã thanh toán bằng thẻ tín dụng, thời gian mua hàng trước trả tiền sau, không phải trả tiền lãi tối đa là 30 ngày hay 45 ngày, làm căn cứ xác định thời điểm chị Q phải chịu tiền lãi. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa 07 ngày để đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ. Hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, các đương sự giao nộp một số Thông báo giao dịch thẻ thể hiện: Ngày 28/10/2014 chị Q giao dịch mua hàng 98.600.000 đồng, nếu chị Q thanh toán toàn bộ số tiền này trước ngày 30/11/2014,

thì chị Q không phải trả phí và lãi cho 30 ngày vay tiền. Do ngày 27/11/2014, chị Q được hoàn 2.000.000 đồng chương trình khuyến mại "Sinh nhật vui, ưu đãi lớn" và ngày 28/11/2014, chị Q chỉ thanh toán số tiền tối thiểu là 4.930.000 đồng, nên chị Q không được hưởng quyền lợi "Mua trước trả sau không tính lãi" và phải trả 2.119.900 đồng tiền lãi trong hạn đối với số nợ gốc 98.600.000 đồng trong 30 ngày vay.

Ngân hàng S yêu cầu Tòa án buộc chị Q phải trả tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2018 là: 258.242.410 đồng, gồm dư nợ gốc: 114.380.380 đồng, lãi quá hạn: 143.862.030 đồng và chị Q có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Chị Q chỉ đồng ý trả nợ gốc là 102.746.353 đồng và không phải trả lãi do Ngân hàng nộp đơn khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cách tính nợ gốc, nợ lãi của Ngân hàng S, không chấp nhận cách tính nợ gốc, nợ lãi của chị Đào Mỹ Q; buộc chị Đào Mỹ Q phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm và phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Về án phí: Chị Q phải chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với chị Đào Mỹ Q cư trú tại số …., phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S và chị Đào Mỹ Q được xác lập từ ngày 22/10/2014. Theo quy định tại điểm d khoản 1

Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Ngày 24/3/2015 là ngày cuối cùng chị Q trả nợ. Sau đó, Ngân hàng đã gia hạn trả nợ 3 tháng, nhưng chị Q không trả được, nên Ngân hàng bắt đầu tính lãi quá hạn từ ngày 16/7/2015. Tính từ đó đến ngày 23/11/2017 là ngày Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thì chưa hết thời hạn 3 năm. Do đó, Tòa án xác định Ngân hàng khởi kiện còn thời hiệu.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 17/10/2014, chị Đào Mỹ Q ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, với hạn mức tín dụng mong muốn là 150.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 22/10/2014, Ngân hàng S - Chi nhánh Đ chấp thuận đề nghị của chị Q và phê duyệt cấp thẻ tín dụng cho chị Q hạn mức là 100.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014, trong đó tại các Điều 1, 18, 19 và 23 có quy định: "Dư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ) là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ"; "Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên Thông báo"; "Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ"; "lãi suất theo thỏa thuận giữa đơn vị phát hành và chủ thẻ"; "…lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại… đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ". Theo Thông báo thay đổi lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011, lãi suất trong hạn áp dụng từ ngày 06/7/2011 là 2,15%/tháng. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm đ khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 28/10/2014 đến ngày 15/7/2015, chị Đào Mỹ Q đã thực hiện các giao dịch thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt, với tổng số tiền là 119.099.000 đồng, phải chịu phí chậm thanh toán (trễ hạn) là 5.146.610 đồng và phí vượt quá hạn mức là 635.197 đồng. Xét thấy hợp đồng tín dụng đã giao kết thuộc loại có kỳ hạn trả nợ là một tháng. Vào ngày 15 hàng tháng, Ngân hàng gửi thông báo

giao dịch thẻ cho chị Q gồm các thông tin về dư nợ đầu kỳ, ngày giao dịch, số tiền giao dịch, nợ phát sinh trong kỳ, phí và lãi, khoản đã thanh toán, số tiền phải thanh toán tối thiểu, dư nợ cuối kỳ để chị Q biết và thực hiện nghĩa vụ trả nợ chậm nhất vào ngày 30 của tháng đó. Tính đến ngày 24/3/2015, chị Q đã trả được 29.650.000 đồng. Theo quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, thứ tự thanh toán như sau: "Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ". Theo Bảng tính lãi phát sinh, các Thông báo giao dịch thẻ thể hiện: Ngày 15/3/2015, Ngân hàng thông báo cho chị Q biết nợ thẻ tín dụng đã quá hạn, yêu cầu chị Q thanh toán ngay số tiền tối thiểu là 14.797.540 đồng để có thể tiếp tục sử dụng thẻ. Ngày 24/3/2015, chị Q chỉ thanh toán được 7.300.000 đồng, nên ngày 15/4/2015, Ngân hàng thông báo cho chị Q biết nợ thẻ tín dụng đã quá hạn, yêu cầu chị Q thanh toán ngay số tiền tối thiểu là 15.243.893 đồng. Căn cứ Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng có quyền chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/4/2015. Tuy nhiên, trong 03 kỳ hạn trả nợ tiếp theo vào ngày 15/5/2015, 15/6/2015 và 15/7/2015, Ngân hàng chỉ tính lãi trong hạn, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức là tạo điều kiện cho chị Q có thể trả được nợ và tiếp tục sử dụng thẻ tín dụng. Do chị Q không trả được nợ, nên Ngân hàng chốt số nợ gốc tính ngày 15/7/2015 là 114.380.380 đồng và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị Q từ ngày 16/7/2015. Xét thấy, cách tính nợ gốc của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên được chấp nhận. Yêu cầu của chị Q về số nợ gốc còn phải trả là 102.746.353 đồng không phù hợp với thỏa thuận trên, nên không được chấp nhận.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Từ ngày 16/7/2015, Ngân hàng S bắt đầu tính lãi quá hạn theo lãi suất bằng 150% x 2,15%/tháng trên số nợ gốc 114.380.380 đồng là đúng quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo Tóm tắt sao kê tính đến ngày 27/9/2018, tổng số tiền lãi quá hạn của chị Q cộng dồn tất cả các kỳ thanh toán là 143.862.030 đồng. Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc chị Q phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2018 là 143.862.030 đồng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng, nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, do chị Đào Mỹ Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng, nên căn cứ khoản 1 Điều 281, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Án lệ số 08/2016/AL, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc chị Q phải trả Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2018 là: 258.242.410 đồng, gồm nợ gốc là: 114.380.380 đồng và tiền lãi quá

hạn là: 143.862.030 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà chị Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu Ngân hàng S được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo, trả lại Ngân hàng S số tiền 5.484.680 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, chị Đào Mỹ Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 258.242.410 đồng = 12.912.120 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 281, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, điểm đ khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc đòi chị Đào Mỹ Q trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 24/10/2014. Buộc chị Đào Mỹ Q trả Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2018 là: 258.242.410 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm mười đồng), gồm nợ gốc là: 114.380.380 đồng (Một trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi nghìn, ba trăm tám mươi đồng) và tiền lãi quá hạn là: 143.862.030 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm ba mươi đồng).

2. Về án phí:

Trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.484.680 đồng (Năm triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, sáu trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu số 0003642 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chị Đào Mỹ Q phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.912.120 đồng (Mười hai triệu, chín trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Đào Mỹ Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất mà chị Đào Mỹ Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam